

TT TT TT

TT TT TT

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 29

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Shekhar Himanshu	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 01 tháng 09 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt.
Bà Đặng Kiện Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các Công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ngày 27 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7,388,917,787,512	6,444,550,064,602
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,355,630,787,362	1,410,796,874,354
1. Tiền	111	4	136,989,796,846	147,336,959,163
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,218,640,990,516	1,263,459,915,191
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,591,305,155,134	2,055,964,292,449
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.1	2,185,664,564,672	1,723,415,850,009
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	81,122,409,635	28,287,066,814
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		295,489,850,231	260,060,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	74,269,790,155	87,780,985,968
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(45,241,459,559)	(43,579,610,342)
III. Hàng tồn kho	140	7	3,234,217,020,563	2,826,709,271,198
1. Hàng tồn kho	141		3,360,560,118,752	2,953,187,568,017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(126,343,098,189)	(126,478,296,819)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		207,764,824,453	151,079,626,601
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	17,760,882,947	13,396,843,749
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		189,313,737,701	136,967,017,515
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		690,203,805	715,765,337

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		809,512,734,587	716,059,571,949
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13,893,155,431	12,129,371,600
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	13,893,155,431	12,129,371,600
II. Tài sản cố định	220		138,039,935,832	97,646,873,084
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	63,228,307,485	35,989,772,940
<i>Nguyên giá</i>	222		107,620,428,414	75,465,935,339
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44,392,120,929)	(39,476,162,399)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	74,811,628,347	61,657,100,144
<i>Nguyên giá</i>	228		85,926,666,484	70,096,550,692
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11,115,038,137)	(8,439,450,548)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	12,851,081,940
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	12,851,081,940
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	532,926,784,630	493,843,332,380
1. Đầu tư vào công ty con	251		628,995,750,000	602,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	2,945,750,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(96,068,965,370)	(111,102,417,620)
V. Tài sản dài hạn khác	260		124,652,858,694	99,588,912,945
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	13,646,620,976	7,533,401,154
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		111,006,237,718	92,055,511,791
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8,198,430,522,099	7,160,609,636,551

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5,207,768,578,779	4,548,583,683,767
I. Nợ ngắn hạn	310		5,205,234,949,352	4,540,815,054,340
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12.1	2,215,202,145,037	1,419,996,254,033
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12.2	133,819,882,215	113,945,353,296
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	41,320,395,376	25,220,057,101
4. Phải trả người lao động	314		24,971,951,644	22,588,049,178
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	332,600,299,949	236,747,498,068
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	25,471,301,184	517,516,607,209
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	2,431,848,973,947	2,204,801,235,455
II. Nợ dài hạn	330		2,533,629,427	7,768,629,427
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	2,533,629,427	7,768,629,427
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,990,661,943,320	2,612,025,952,784
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	2,990,661,943,320	2,612,025,952,784
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2,193,201,690,000	1,672,244,430,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,193,201,690,000	1,672,244,430,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,439,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		742,099,429,070	884,587,698,534
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		299,906,801,534	543,186,436,252
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		442,192,627,536	341,401,262,282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8,198,430,522,099	7,160,609,636,551

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2025

Trần Quế Tâm
Người lập biểuVũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởngĐoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18.1	5,661,230,248,907	4,520,934,495,225	21,149,689,158,718	17,915,787,989,759	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18.1	(279,807,814,187)	(124,478,761,720)	(497,127,548,465)	(205,676,671,408)	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18.1	5,381,422,434,720	4,396,455,733,505	20,652,561,610,253	17,710,111,318,351	
4. Giá vốn hàng bán	11	19	(4,859,602,391,622)	(3,955,024,814,424)	(18,900,573,936,080)	(16,346,599,871,168)	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		521,820,043,098	441,430,919,081	1,751,987,674,173	1,363,511,447,183	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.2	56,323,224,527	69,669,478,451	202,089,345,812	201,450,654,580	
7. Chi phí tài chính	22	20	(50,248,186,605)	(86,686,802,611)	(139,403,675,856)	(192,388,631,534)	
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(27,385,248,554)	(18,753,613,978)	(89,925,940,519)	(115,035,789,160)	
8. Chi phí bán hàng	25	21	(312,660,060,840)	(330,419,886,730)	(1,122,414,397,754)	(816,301,107,293)	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	(38,047,642,410)	(37,078,504,062)	(133,273,673,437)	(128,806,052,074)	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		177,187,377,770	56,915,204,129	558,985,272,938	427,466,310,862	
11. Thu nhập khác	31	22	(2,372,954,639)	2,904,786,171	1,934,856,129	4,685,024,900	
12. Chi phí khác	32	22	1,215,293,829	(1,356,391,994)	(6,221,154,464)	(4,676,240,530)	
13. Lợi nhuận khác	40	22	(1,157,660,810)	1,548,394,177	(4,286,298,335)	8,784,370	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		176,029,716,960	58,463,598,306	554,698,974,603	427,475,096,232	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(57,577,492,620)	(44,129,455,267)	(131,560,599,364)	(82,321,622,105)	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		21,737,785,831	32,320,040,832	19,054,262,297	(3,752,210,845)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		140,190,010,171	46,654,183,871	442,192,627,536	341,401,262,282	

Quoten

Trần Quế Tâm
 Người lập biểu

W

Vũ Thị Mai Hân
 Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh							
1. Lợi nhuận trước thuế	01		176,029,716,960	58,463,598,306	554,698,974,603	427,475,095,232	
2. Điều chỉnh cho các khoản:							
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3,182,504,918	2,228,985,660	11,622,252,972	9,967,122,547	
- Các khoản dự phòng	03		(29,015,699,464)	24,632,300,895	(13,506,801,663)	120,947,950	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		445,700,573	(2,872,651,571)	445,700,573	(2,872,651,571)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22,392,406,991)	(26,285,791,216)	(67,380,737,900)	(83,916,330,101)	
- Chi phí lãi vay	06		27,385,248,554	18,753,613,978	89,925,940,519	115,035,789,160	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		155,635,064,550	74,920,056,052	575,805,329,104	465,809,973,217	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		298,256,500,481	436,574,009,152	(555,584,796,467)	(424,837,989,077)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(562,814,735,806)	(755,121,171,016)	(407,372,550,735)	356,133,461,384	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		667,385,838,458	151,821,200,326	430,354,340,644	460,407,986,066	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		838,561,568	(4,259,369,642)	(10,477,259,020)	2,525,944,146	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27,537,281,273)	(22,908,045,844)	(92,017,986,081)	(123,937,115,048)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(75,947,432,252)	(36,259,811,728)	(115,547,475,619)	(91,553,399,674)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		455,816,515,726	(155,233,132,700)	(174,840,398,174)	644,548,861,014	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

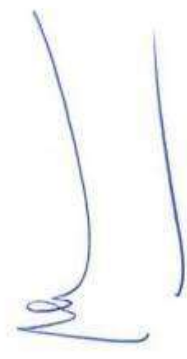
B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

	QUÝ IV		Đơn vị tính: VND
	Năm nay	Năm trước	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(15,830,115,792)	(5,812,827,980)	(54,894,392,049)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	3,181,818,182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(170,643,825,478)	(112,940,000,000)	(599,605,190,051)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	128,585,972,780	100,520,000,000	564,175,339,820
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	-	(90,000,000,000)	(24,050,000,000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	22,133,616,309	26,285,791,216	67,077,996,047
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(35,754,352,181)	(81,947,036,764)	(44,114,428,051)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	20,000,000,000	-	20,000,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	(167,000,000)	(30,000,000)
3. Tiền thu từ đi vay	2,686,480,818,523	2,992,530,350,714	11,245,593,099,866
4. Tiền trả nợ gốc vay	(2,914,612,130,307)	(2,723,880,092,820)	(11,018,545,361,374)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(167,072,974,000)	(83,526,637,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(208,131,311,784)	101,410,283,894	163,491,101,492
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	211,930,851,761	(135,769,885,570)	(55,463,724,733)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	1,143,402,297,860	1,546,566,759,924	1,410,796,874,354
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	297,637,741	-	297,637,741
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	1,355,630,787,362	1,410,796,874,354	1,355,630,787,362


 Trần Quế Tâm
 Người lập biểu


 Vũ Thị Mai Hân
 Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 475 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 467).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	2 - 6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con (tiếp)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	86,423,000	433,052,000
Tiền gửi ngân hàng	136,903,373,846	146,903,907,163
Các khoản tương đương tiền	1,218,640,990,516	1,263,459,915,191
TỔNG CỘNG	1,355,630,787,362	1,410,796,874,354

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu các bên khác	2,118,723,222,648	1,669,890,123,761
- Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động & Hệ thống các chi nhánh	512,240,702,670	140,169,916,930
- Công ty Cổ Phần bán lẻ Kỹ thuật số FPT & hệ thống cá chi nhánh	54,729,075,199	42,568,523,586
- Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Phong Vũ	66,817,044,632	82,283,998,049
- Khác	1,484,936,400,147	1,404,867,685,196
Phải thu bên liên quan (thuyết minh số 25)	66,941,342,024	53,525,726,248
TỔNG CỘNG	2,185,664,564,672	1,723,415,850,009
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(12,367,360,067)	(10,547,470,298)
GIÁ TRỊ THUÀN	2,173,297,204,605	1,712,868,379,711

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho bên khác		
- HP Pps Singapore (Sales) Pte Ltd	7,999,686,608	869,076,000
- Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam	45,605,023,322	4,058,241,911
- Acer Incorporated	15,278,457,277	3,375,835,375
- Khác	11,967,988,178	19,227,119,743
- Trả trước bên liên quan (thuyết minh số 25)	271,254,250	756,793,785
TỔNG CỘNG	81,122,409,635	28,287,066,814

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
DRAGON TECHNOLOGY DISTRIBUTION PTE.LTD	32,874,099,492	32,874,099,492
Tạm ứng cho nhân viên	681,329,992	298,576,245
Đặt cọc, ký quỹ	15,061,388	79,822,613,821
Khác	40,699,299,283	(25,214,303,590)
TỔNG CỘNG	74,269,790,155	87,780,985,968
Dự phòng phải thu khác	(32,874,099,492)	(32,874,099,492)
GIÁ TRỊ THUẬN	41,395,690,663	54,906,886,476
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	13,893,155,431	12,129,371,600

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Hàng hóa	2,556,700,245,097	2,512,966,667,404
Hàng mua đang đi đường	771,023,184,805	399,635,171,230
Hàng gửi đi bán	5,503,955,840	8,483,687,933
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27,332,733,010	32,102,041,450
TỔNG CỘNG	3,360,560,118,752	2,953,187,568,017
Dự phòng HTK	(126,343,098,189)	(126,478,296,819)
GIÁ TRỊ THUẬN	3,234,217,020,563	2,826,709,271,198

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	17,677,518,120	13,295,834,481
Công cụ, dụng cụ	83,364,827	101,009,268
TỔNG CỘNG	17,760,882,947	13,396,843,749
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	2,555,597,286	1,458,224,298
Khác	11,091,023,690	6,075,176,856
TỔNG CỘNG	13,646,620,976	7,533,401,154

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B09a-DN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	21,183,180,735	5,694,734,065	45,044,820,615	3,543,199,924	75,465,935,339
Mua sắm	20,785,050,000	63,694,444	17,207,812,263	1,007,719,550	39,064,276,257
Thanh lý	-	-	(6,909,783,182)	-	(6,909,783,182)
Số cuối kỳ	41,968,230,735	5,758,428,509	55,342,849,696	4,550,919,474	107,620,428,414
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	(12,216,897,063)	(5,239,971,110)	(19,161,403,429)	(2,857,890,797)	(39,476,162,399)
Khấu hao trong năm	(1,130,739,096)	(220,156,665)	(7,429,284,296)	(379,540,881)	(9,159,720,938)
Thanh lý	-	-	4,243,762,408	-	4,243,762,408
Số cuối kỳ	(13,347,636,159)	(5,460,127,775)	(22,346,925,317)	(3,237,431,678)	(44,392,120,929)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	8,966,283,672	454,762,955	25,883,417,186	685,309,127	35,989,772,940
Số cuối kỳ	28,620,594,576	298,300,734	32,995,924,379	1,313,487,796	63,228,307,485

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	VND
Nguyên giá			Tổng cộng
Số đầu kỳ	12,714,374,512	57,382,176,180	70,096,550,692
Mua sắm	15,830,115,792	-	15,830,115,792
Số cuối kỳ	28,544,490,304	57,382,176,180	85,926,666,484
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(8,439,450,548)		(8,439,450,548)
Khấu hao trong năm	(2,675,587,589)	-	(2,675,587,589)
Số cuối kỳ	(11,115,038,137)		(11,115,038,137)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	4,274,923,964	57,382,176,180	61,657,100,144
Số cuối kỳ	17,429,452,167	57,382,176,180	74,811,628,347

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Tỷ lệ %	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture	100	602,000,000,000	100	490,897,582,380
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	90	26,995,750,000		
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam		-	49.1	2,945,750,000
TỔNG CỘNG		628,995,750,000		493,843,332,380

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	12,714,374,512	57,382,176,180	70,096,550,692
Mua sắm	15,830,115,792	-	15,830,115,792
Số cuối kỳ	28,544,490,304	57,382,176,180	85,926,666,484
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(8,439,450,548)		(8,439,450,548)
Khấu hao trong năm	(2,675,587,589)	-	(2,675,587,589)
Số cuối kỳ	(11,115,038,137)		(11,115,038,137)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	4,274,923,964	57,382,176,180	61,657,100,144
Số cuối kỳ	17,429,452,167	57,382,176,180	74,811,628,347

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Tỷ lệ %	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture	100	602,000,000,000	100	490,897,582,380
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	90	26,995,750,000		-
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam		-	49.1	2,945,750,000
TỔNG CỘNG		628,995,750,000		493,843,332,380

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Lenovo (Singapores) Pte. Ltd.	20,690,802,574	50,604,591,883
Asus Global Pte. Ltd	265,516,588,699	170,939,591,129
Xiaomi H.K Limited	800,527,864,819	352,244,760,091
Công ty TNHH Apple Việt Nam	734,220,109,000	545,722,507,000
Nhà cung cấp khác	394,246,779,945	300,484,803,930
TỔNG CỘNG	2,215,202,145,037	1,419,996,254,033
Trong đó:		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	-	

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
XIAOMI H.K LIMITED	86,067,701,194	83,633,572,288
AMD INTERNATIONAL SALES & SERVICE, LTD.	11,799,703,892	8,330,760,949
WHIRLPOOL SOUTHEAST ASIA PTE	1,304,671,538	7,193,729,111
Khác	34,647,805,591	14,787,290,948
TỔNG CỘNG	133,819,882,215	113,945,353,296

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chiết khấu thương mại	162,936,326,356	158,621,295,159
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	152,365,583,237	66,307,177,470
Chi phí lãi vay	1,948,977,218	4,041,022,780
Khác	15,349,413,138	7,778,002,659
TỔNG CỘNG	332,600,299,949	236,747,498,068

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40,929,433,592	25,019,836,217
Thuế thu nhập cá nhân	390,239,360	200,220,884
Thuế GTGT phải nộp	722,424	-
TỔNG CỘNG	41,320,395,376	25,220,057,101

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	19,269,544,343	12,523,927,784
Phải trả BHXH, BHYT, CĐ, trợ cấp thất nghiệp	2,716,196,275	2,349,974,784
UPAS L/C (*)	-	502,415,914,000
Nhận kỳ quỹ, ký cược	2,430,000,000	-
Phải trả khác	1,055,560,566	226,790,641
Cộng	25,471,301,184	517,516,607,209
Dài hạn		
Nhận kỳ quỹ, ký cược	2,533,629,427	7,768,629,427
Cộng	2,533,629,427	7,768,629,427
TỔNG CỘNG	28,004,930,611	525,285,236,636

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B09a-DN

16. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	VND
Vay ngân hàng	2,204,801,235,455	11,188,393,099,866	(11,018,545,361,374)	2,374,648,973,947	
Vay khác	-	57,200,000,000	-	57,200,000,000	
	2,204,801,235,455	11,245,593,099,866	(11,018,545,361,374)	2,431,848,973,947	

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM	868,590,261,224	Ngày 03/02/2025 đến 27/03/2025	Từ 3.7% đến 3.8%	Không có tài sản đảm bảo
2 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	468,357,369,996	Ngày 14/02/2025 đến 18/03/2025	Từ 3.7% đến 4.0%	Không có tài sản đảm bảo
3 Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	545,124,989,646	Ngày 07/01/2025 đến 24/02/2025	Từ 3.79% đến 4.03%	Không có tài sản đảm bảo
4 Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	119,526,238,823	Ngày 21/01/2025 đến 04/02/2025	4.00%	Không có tài sản đảm bảo
5 Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - CN TP.HCM	135,913,945,200	Ngày 14/01/2025	4.20%	Không có tài sản đảm bảo
6 Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	237,136,169,058	Ngày 07/01/2025 đến 26/03/2025	3.80%	Không có tài sản đảm bảo
7 Công ty TNHH Một Thành Viên Digiworld Venture	57,200,000,000	Ngày 09/12/2025 đến 18/12/2025	5.00%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	2,431,848,973,947			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B09a-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1,632,299,430,000	61,233,761,416	(6,302,937,166)	400,000,000	710,259,410,252	2,397,889,664,502
Phát hành cổ phiếu ESOP	40,000,000,000	-	-	-	-	40,000,000,000
Mua lại Cổ phiếu	-	-	(192,000,000)	-	-	(192,000,000)
Giảm vốn do mua lại cổ phiếu quỹ	(55,000,000)	-	55,000,000	-	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(167,072,974,000)	(167,072,974,000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	341,401,262,282	341,401,262,282
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1,672,244,430,000	61,233,761,416	(6,439,937,166)	400,000,000	884,587,698,534	2,612,025,952,784
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1,672,244,430,000	61,233,761,416	(6,439,937,166)	400,000,000	884,587,698,534	2,612,025,952,784
Phát hành cổ phiếu thường	501,154,260,000	-	-	-	(501,154,260,000)	-
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	20,000,000,000	-	-	-	-	20,000,000,000
Mua lại Cổ phiếu	-	-	(30,000,000)	-	-	(30,000,000)
Giảm vốn do mua lại cổ phiếu quỹ	(197,000,000)	-	197,000,000	-	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(83,526,637,000)	(83,526,637,000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	442,192,627,536	442,192,627,536
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2,193,201,690,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	742,099,429,070	2,990,661,943,320

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị Quyết số 35/2024/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 10 năm 2024 và Nghị Quyết số 40/2024/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc phát hành 2.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá phát hành là 10.000 VNĐ/Cổ phiếu.

Vào ngày 04 tháng 12 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 2.000.000 cổ phiếu này. Vào ngày 09 tháng 12 năm 2024, UBCKNN thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty. Theo đó, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 34 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 12 năm 2024, về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 2.193.201.690.000VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**17.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	219,320,169	167,224,443
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	219,320,169	167,224,443
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	219,320,169	167,224,443
Cổ phiếu quỹ	(151,469)	(168,169)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151,469)	(168,169)
Cổ phiếu đang lưu hành	219,168,700	167,056,274
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	219,168,700	167,056,274

18. DOANH THU**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tổng doanh thu:	21,149,689,158,718	17,915,787,989,759
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	20,735,622,242,372	17,494,215,668,911
Doanh thu cung cấp dịch vụ	414,066,916,346	421,572,320,848
Các khoản giảm trừ doanh thu	(497,127,548,465)	(205,676,671,408)
<i>Hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại</i>	<i>(497,127,548,465)</i>	<i>(205,676,671,408)</i>
DOANH THU THUẦN	20,652,561,610,253	17,710,111,318,351

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	20,617,327,684	17,317,993,571
Lãi chênh lệch tỷ giá	81,363,917,962	69,674,176,663
Chiết khấu thanh toán	53,136,511,819	46,652,720,029
Lãi trái phiếu	46,460,668,363	65,827,222,396
Khác	510,919,984	1,978,541,921
Cộng	202,089,345,812	201,450,654,580

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Giá vốn hàng bán	18,553,451,585,773	16,024,465,952,036
Giá vốn cung cấp dịch vụ	347,122,350,307	322,133,919,132
	18,900,573,936,080	16,346,599,871,168

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	89,925,940,519	115,035,789,160
Lỗ chênh lệch tỷ giá	28,810,529,735	13,671,008,830
Chiết khấu thanh toán	-	408,968,154
Khác	20,667,205,602	63,272,865,390
Cộng	139,403,675,856	192,388,631,534

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	56,800,911,740	52,250,218,460
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,227,216,427	4,983,561,273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46,757,779,979	38,748,826,202
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	949,960,805,482	640,561,387,240
Khác	61,667,684,126	79,757,114,118
	1,122,414,397,754	816,301,107,293
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	62,207,878,327	56,572,492,148
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,045,836,600	4,983,561,274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31,248,501,178	28,254,886,262
Chi phí bằng tiền khác	34,771,457,332	38,995,112,390
	133,273,673,437	128,806,052,074
TỔNG CỘNG	1,255,688,071,191	945,107,159,367

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Thu nhập khác	1,934,856,129	4,685,024,900
Thu nhập khác	1,934,856,129	4,685,024,900
Chi phí khác	(6,221,154,464)	(4,676,240,530)
Các khoản chi phí khác	(6,221,154,464)	(4,676,240,530)
THU NHẬP THUẦN	(4,286,298,335)	8,784,370

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí mua hàng và dịch vụ	18,900,573,936,080	16,346,599,871,168
Chi phí nhân công	119,008,790,067	108,822,710,608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11,622,252,972	9,967,122,547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78,006,281,157	67,003,712,464
Chi phí bằng tiền khác	1,047,050,746,995	759,313,613,748
	20,156,262,007,271	17,291,707,030,535

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế,

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế,

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	554,698,974,603	427,475,095,232
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	110,939,794,921	85,495,019,046
Các khoản điều chỉnh khác		
<i>Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	1,446,223,127	785,854,416
<i>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</i>	19,054,252,297	(3,752,210,845)
<i>Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN</i>	-	(293,948,854)
<i>Khác</i>	120,329,019	86,908,342
Chi phí thuế TNDN hiện hành	131,560,599,364	82,321,622,105

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B09a-DN

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology và chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	144,001,341,890	134,060,423,876
		Mua dịch vụ, hàng hóa	3,637,563,123	42,228,409,587
		Lãi cho vay	1,817,901,368	
		Cho vay	113,500,000,000	37,500,000,000
		Đã trả nợ vay	120,000,000,000	82,000,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển thị trường C.L và Chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	280,187,365	7,518,892,552
		Mua dịch vụ, hàng hóa	1,141,016,894	1,449,468,826
		Lãi cho vay	4,047,817,012	
		Cho vay	239,165,089,677	276,380,000,000
		Đã trả nợ vay	168,895,972,780	186,220,000,000
Công ty Cổ phần A Chi Sơn và chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	12,188,890,168	29,758,177,913
		Mua dịch vụ, hàng hóa	571,779,959	
		Lãi cho vay	2,826,833,453	
		Cho vay	148,879,367,040	77,000,000,000
		Đã trả nợ vay	196,279,367,040	12,000,000,000
Công ty TNHH MTV DPHARMA	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	297,068,493
		Mua dịch vụ, hàng hóa	5,247,727,283	4,935,075,678
		Đã trả nợ vay	-	8,000,000,000
				2,225,587,773
Công ty TNHH Một Thành Viên Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Góp vốn	-	137,015,960,395
		Đi vay	57,200,000,000	
		Lãi đi vay	138,301,370	
		Cho vay		44,000,000,000
		Đã trả nợ vay		43,500,000,000

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Công ty cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	2,326,122,935
		Lãi cho vay	10,100,913,512
		Cho vay	98,060,733,334
		Đã trả nợ vay	-
Công ty Cổ Phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Công ty con Trực tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	36,000,000
Công ty TNHH B2x Care Solutions Việt Nam	Công ty con trực tiếp	Mua dịch vụ, hàng hóa	18,333,334
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Bellvina	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ	6,818,182

Các khoản phải thu các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu ngắn hạn của Khách hàng				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology và Chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	37,773,606,356	45,396,016,486
Công ty cổ phần A Chi Sơn	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	-	92,290,003
Chi nhánh Công ty cổ phần A Chi Sơn	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	2,872,896,085	8,037,419,759
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	26,294,839,583	12,316,726,372
			66,941,342,024	65,842,452,620
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology và Chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Ứng trước cung ứng hàng hóa	271,254,250	-
Công ty TNHH MTV Dpharma	Công ty con gián tiếp	Ứng trước cung ứng hàng hóa		756,793,785
			271,254,250	756,793,785

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Phải thu về cho vay ngắn hạn		Ngày 31 tháng 12	
		2024	2023
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	22,000,000,000	28,500,000,000
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Phát Triển Thị Trường C.L	Công ty con gián tiếp	189,029,116,897	118,760,000,000
Công ty cổ phần A Chi Sơn	Công ty con gián tiếp	17,600,000,000	65,000,000,000
Công ty cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp	66,860,733,334	47,800,000,000
		295,489,850,231	260,060,000,000

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

Tên	Chức vụ	Thù lao		VND
		Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	194,797,639	178,033,000	
Bà Đặng Kiên Phương	Tổng Giám đốc	198,275,228	174,809,000	
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	186,109,000	174,809,000	
Ông Shekhar Himanshu	Phó Tổng Giám đốc	1,133,787,004	-	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	120,000,000	120,000,000	
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	120,000,000	120,000,000	
		1,952,968,871	767,651,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, VN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Chờ kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

26. CÁC CAM KẾT*Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

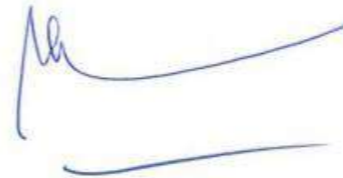
	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	57,983,601,264	50,022,289,322
Từ 1 đến 5 năm	126,003,360,618	129,318,420,222
Trên 5 năm	3,599,369,062	6,901,269,606
TỔNG CỘNG	187,586,330,943	186,241,979,150

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT